

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/5/2018

“ V/v tranh chấp ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Danh
2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 572/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số D334, tổ 3, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số D267, tổ 3, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số D334, tổ 3, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T có mặt, ông C xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T: Bà và ông C xây dựng gia đình với nhau từ năm 1986 do thời điểm đó gia đình khó khăn lo làm ăn nên đến năm 1998 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Long B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm và ông C không có trách nhiệm với vợ con nên vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, nên bà xin ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 04 người con chung: Trần Công T, sinh ngày 18/8/1988; Trần Văn H, sinh ngày 20/11/1993; Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 10/8/1995; Trần

Văn H1, sinh ngày 07/8/2002. Ly hôn, bà xin được nuôi cháu H1, tạm thời không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Các cháu T, H, N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ông Trần Văn C trình bày: Ông và bà T đăng ký kết hôn năm 1998 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cãi vã vì bà T chơi cờ bạc. Năm 2017, vợ chồng gây gổ nhau do nóng tính ông có tát tai bà T, bà T bỏ về nhà em gái sinh sống từ năm 2017 đến nay. Nay bà T xin ly hôn, ông xét thấy đã lớn tuổi không sống được bao lâu nên không muốn ly hôn mong vợ chồng hàn gắn cùng lo cho các con.

Về con chung: Có 04 người con: Trần Công T, sinh ngày 18/8/1988; Trần Văn H, sinh ngày 20/11/1993; Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 10/8/1995; Trần Văn H1, sinh ngày 07/8/2002. Nếu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn, cháu H1 có nguyện vọng sống với bà T thì ông cũng đồng ý, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con. Các cháu T, H, N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp, bà T có đơn xin ly hôn ông C không đồng ý ly hôn, căn cứ tài liệu xác minh bà T và ông C có mâu thuẫn sống ly thân nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Con chung có 04 cháu: Trần Công T, sinh ngày 18/8/1988; Trần Văn H, sinh ngày 20/11/1993; Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 10/8/1995; Trần Văn H1, sinh ngày 07/8/2002. Giao cháu H1 cho bà T nuôi dưỡng, tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con. Các cháu T, H, N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông C có đơn xin không tham gia hòa giải, công khai chứng cứ và vắng mặt khi xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông C xây dựng gia đình với nhau vào năm 1986 và đăng ký kết hôn năm 1998, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn số 135/1998 ngày 26/8/1998 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng

Nai nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà T và ông C xác định quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân theo bà T trình bày do vợ chồng không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm và ông C không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên gây gổ, đánh nhau nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Theo ông C thì nguyên nhân do bà T chơi cờ bạc, vào năm 2017 bà T bị người ngoài kích động để vợ chồng gây gổ tạo cơ hội để ông đánh bà T do nóng tính ông có tát tai bà T, bà T bỏ về nhà em gái sinh sống từ năm 2017 đến nay.

Nay bà T cương quyết xin ly hôn, ông C xét thấy đã lớn tuổi không sống được bao lâu nên không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn cùng lo cho các con. Bà T và ông C đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được, ngày 10/4/2018 Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, bà T vẫn giữ nguyên ý kiến xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết để ổn định cuộc sống và cùng ngày 10/4/2018 các con của bà T và ông C cũng xác nhận cuộc sống của cha mẹ mâu thuẫn trầm trọng không thể chung sống với nhau được đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tại biên bản xác minh địa phương ngày 27/4/2018 thể hiện vợ chồng bà T và ông C có mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, ông C nhiều lần uống rượu say xỉn về đánh đập bà T và các con, bà T và ông C đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án và áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 04 cháu: Trần Công T, sinh ngày 18/8/1988; Trần Văn H, sinh ngày 20/11/1993; Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 10/8/1995; Trần Văn H1, sinh ngày 07/8/2002.

Ly hôn cháu H có nguyện vọng sống với bà T ông C đồng ý giao con cho bà T nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con, do đó giao cháu H cho bà T nuôi dưỡng, tạm thời ông C không cấp dưỡng nuôi con.

Riêng anh T, anh H và chị N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T và ông C khai không có, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông C khai không có, nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà T phải nộp 300.000đ.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; khoản 4 Điều 147 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T. Cho bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn ông Trần Văn C.

Về con chung: Giao cháu Trần Văn H, sinh ngày 07/8/2002 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông Trần Văn C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, bà T, ông C được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T và ông C khai không có, nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà T và ông C khai không có, nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Bà T phải nộp 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai số 007046 ngày 08/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà T đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Bà T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng ông C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Lưu hồ sơ vụ án.(1)
- Lưu văn phòng.(2)
- Các đương sự.(2)
- VKSND TP B.(2)
- THA dân sự TP B.(1)
- TAND tỉnh Đồng Nai. (1)
- UBND P. Long Bình (1)

Hoàng Thị Thu Minh